

Nhận thức về kinh tế di sản và việc phát triển kinh tế di sản ở Nghệ An hiện nay

■ Bùi Minh Hào

Trong mấy năm gần đây, Nghệ An đang quan tâm định hướng phát triển kinh tế di sản - một lĩnh vực mới mẻ trong phát triển kinh tế dựa vào nguồn lực văn hóa địa phương. Những cuộc tọa đàm, hội thảo đã được tổ chức để thảo luận về vấn đề này. Và sắp tới sẽ có cả những đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh với kinh phí tiền tỷ liên quan đến vấn đề này sẽ được thực hiện. Tuy nhiên, để nhận thức rõ về khái niệm này đã là một vấn đề phức tạp, và việc vận dụng nó vào thực tiễn lại còn vô vàn khó khăn hơn.



Tổ chức biểu diễn dân ca ví, giặm Nghệ Tĩnh phục vụ du khách ở Khu Di tích Kim Liên (Nam Đàn)

Tính kinh tế của di sản và kinh tế học di sản

Mọi di sản đều có giá trị kinh tế. Nhưng để phát hiện và phát huy các giá trị kinh tế của di sản là vấn đề phức tạp và khó khăn. Giá trị kinh tế của các di sản không phải thể hiện một cách thông thường trên thị trường, mà nó thường thể hiện ngầm ẩn hoặc gián tiếp qua các giá trị khác.

Di sản văn hóa có giá trị biểu tượng, tượng trưng rất mãnh liệt. Biểu tượng đó không đem ra bán trên thị trường như một thứ hàng hóa thông thường, mà phải chuyển đổi vào trong các loại hàng hóa khác để tạo ra giá trị lợi nhuận. Đó cũng là một con đường phát huy giá trị kinh tế của di sản qua vốn biểu tượng

của nó. Ví dụ như cũng một chiếc áo phông bình thường được bán ở chợ với giá 100 ngàn đồng, nhưng người ta in hình ảnh và khẩu ngữ liên quan đến làng Sen quê Bác như “Kỷ niệm về thăm quê Bác”, “Du lịch làng Sen”, “Làng Sen hè...” hay là những câu thơ, danh ngôn liên quan đến Bác được bán tại làng Sen, Kim Liên thì giá của những chiếc áo này tăng lên gấp hai, ba lần. Chi phí để in những dòng chữ hay hình ảnh lên áo rất thấp, nhưng giá cả vẫn tăng lên nhiều lần bởi nó tích lũy giá trị biểu tượng của di sản làng Sen quê Bác vào trong đó. Như vậy là vốn biểu tượng của di sản đã được chuyển đổi sang giá trị kinh tế. Hay cũng là một cuốn sách của nhà cách mạng Phạm Bội Châu được bán giảm giá có khi lên đến 50% so với giá bìa ở hiệu sách nhưng người ta không mua. Trong khi cũng cuốn sách đó được bán nguyên giá ở Khu lưu niệm Phan Bội Châu thì nhiều người mua. Bởi họ nghĩ mua ở đó sẽ quý hơn, thiêng liêng hơn vì nó gắn với cuộc đời cụ Phan. Điều đó chứng tỏ chính những giá trị từ di sản văn hóa đã tích hợp vào hàng hóa để tạo ra giá trị kinh tế. Nói cách khác, các di sản đều có tính kinh tế của nó. Như Hà Hữu Nga (2017: 32) nhấn mạnh thì “Di sản có nhiều giá trị, bao gồm các giá trị văn hóa, giáo dục, thẩm mỹ, môi trường, xã hội, biểu tượng, chính trị, lịch sử, và nhiều lĩnh vực khác nữa. Trong dài hạn, tất cả các giá trị này có lẽ đều quan trọng hơn giá trị kinh tế”. Cũng chính vì vậy mà khi phát triển kinh tế di sản thì phải nhận thức và hành động theo một chương trình phát triển đặc thù, không theo các quy luật thị trường thông thường, hay nói cách khác là theo các quy luật phi thị trường. Bởi xét cho cùng, kinh tế di sản là một lĩnh vực đặc biệt, phi thị trường.

Lâu nay, nhiều người vẫn cho rằng đầu tư tiền bạc vào kinh tế di sản vừa tốn kém lại ít hiệu quả. Tuy nhiên, những nghiên cứu ở nhiều nước trên thế giới đã chứng minh ngược lại. Những nhà nghiên cứu ở bang Tennessee (Mỹ) chứng minh rằng khi đầu tư 1 triệu USD vào một nhà máy sẽ tạo ra 28,8 việc làm, tăng 604 ngàn USD thu nhập gia đình. Đầu tư tương tự như vậy vào xây dựng công trình mới tạo ra 36,1 việc làm và tăng thu nhập gia đình thêm 764 ngàn USD. Trong khi đó, đầu tư như vậy vào một công trình di sản văn hóa sẽ tạo ra 40 việc làm và tăng 826 ngàn

USD cho thu nhập gia đình. Hay một nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Chính sách Đô thị tại Đại học Rutgers đã tính toán ra rằng khi Chính phủ chi 1 triệu USD để xây dựng một con đường cao tốc sẽ tạo ra 34 việc làm, 1,2 triệu USD thu nhập hộ gia đình; 100 ngàn USD tiền thuế tiểu bang và 85 ngàn USD tiền thuế địa phương. Đầu tư như vậy vào xây một tòa nhà mới sẽ tạo ra 36 việc làm, 1,23 triệu USD thu nhập hộ gia đình, 103 ngàn USD thuế tiểu bang và 86 ngàn USD thuế địa phương. Cùng số tiền đó nếu đầu tư vào việc phục hồi một công trình lịch sử sẽ tạo ra 38 việc làm, 1,3 triệu USD thu nhập hộ gia đình, 110 ngàn USD thuế tiểu bang và 92 ngàn USD thuế địa phương (Rypkema 2015).

Hiểu về kinh tế di sản là một vấn đề khó. Nhiều nhà kinh tế học cũng như các lĩnh vực khác đã từng đưa ra nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm này. Đặc biệt, ở nhiều quốc gia có hình thành một lĩnh vực nghiên cứu riêng của kinh tế học gọi là kinh tế học di sản. Theo TS Hà Hữu Nga (2017) thì các nghiên cứu trong lĩnh vực này tập trung vào việc phân tích những giá trị kinh tế mà các di sản văn hóa đưa lại và tìm những con đường để phát triển các hoạt động kinh tế gắn với giá trị (cả giá trị trực tiếp và giá trị gián tiếp, giá trị “sử dụng” và giá trị “không sử dụng”). Bởi các giá trị kinh tế của di sản văn hóa thường không thể đo lường theo các thang bậc trên thị trường như các lĩnh vực khác mà nó là một lĩnh vực đặc trưng, phải được hiểu và có chính sách đặc thù, phát triển phi thị trường, dù rằng đã là một lĩnh vực kinh tế thì vẫn phải gắn với các hoạt động cơ bản của thị trường, từ cung - cầu, giá cả, lợi nhuận và lợi ích... Hiểu một cách đơn giản thì kinh tế di sản là loại hình kinh tế đặc biệt phát triển dựa vào các giá trị kinh tế của

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

các di sản văn hóa đưa lại và không phải lúc nào kinh tế di sản cũng tuân theo thị trường mà nó là lĩnh vực kinh tế phi thị trường được hiểu theo nghĩa tương đối về mặt định giá.

Di sản văn hóa ở Nghệ An và mong muốn phát triển kinh tế di sản

Nghệ An có một hệ thống di sản văn hóa phong phú và đa dạng với hơn 2.600 di tích, danh thắng, trong đó có 429 di tích đã được xếp hạng, có 4 di tích quốc gia đặc biệt, 142 di tích quốc gia, gần 300 di tích cấp tỉnh và trên 2.000 di tích chưa được xếp hạng. Theo đánh giá Nghệ An nằm trong vùng văn hóa xứ Nghệ với bản sắc riêng, không trộn lẫn với các tiểu vùng văn hóa khác. Vậy nên, việc Nghệ An mong muốn xây dựng và phát triển lĩnh vực kinh tế di sản cũng là xu hướng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Tháng 5/2019, tỉnh Nghệ An cũng đã tổ chức một hội thảo khoa học lớn với chủ đề “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An” với sự tham gia của các nhà khoa học và các nhà quản lý. Và theo thông tin thì hiện nay, Ban Quản lý Di tích thuộc Sở Văn hóa - Thể thao cũng đang tiến hành xây dựng đề tài khoa học cấp tỉnh với chủ đề “Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế di sản trên địa bàn tỉnh Nghệ An”. Tuy nhiên, ngay từ đầu vấn đề này đã gặp nhiều khó khăn. Từ những hạn chế về mặt nhận thức thế nào là kinh tế di sản đến việc tạo ra khung phân tích và cách thức tiếp cận trong nghiên cứu di sản. Đặc biệt, càng

khó khăn hơn nữa trong việc ứng dụng những phân tích này vào việc phát triển kinh tế di sản thế nào cho hiệu quả. Muốn phát triển kinh tế di sản thì cần hiểu rõ về nó. Nhưng điều quan trọng hơn là phải tìm được khung phân tích để tiếp cận vấn đề và tìm được những phương pháp, con đường để vận dụng nó vào thực tế.

Như đã nói ở trên, kinh tế di sản là một lĩnh vực kinh tế, nên phải nhận thức nó trên phương diện kinh tế học, nghĩa là có đầu tư, doanh thu và lợi nhuận. Nếu như bảo tồn di sản văn hóa nhấn mạnh đến yếu tố đầu tư để bảo vệ, giữ gìn, khôi phục và quản lý di sản là chủ yếu, việc phát huy giá trị, đặc biệt là giá trị kinh tế chỉ là yếu tố thứ yếu, thì kinh tế di sản lại phải nhấn mạnh đến khai thác giá trị kinh tế nhưng không có nghĩa là không coi trọng việc bảo tồn. Bởi phải bảo tồn được di sản thì mới có nền tảng để phát triển kinh tế di sản. Và kinh tế di sản cũng không được định giá thông thường theo thị trường mà phải có cách định giá đặc biệt, vốn đầu tư lớn và đầu tư lâu dài trong khi doanh thu từ từ, càng về sau càng làm tốt thì lợi nhuận càng tăng. Nói vậy để thấy phát triển kinh tế di sản không phải chuyện ngày một ngày hai, càng không thể nóng



Hội thảo khoa học “Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An” (5/2019)

vội, làm ăn chớp nhoáng, chớp giật đờc, mà phải kiên trì, nghiêm túc, định hướng lâu dài. Đặc biệt, nói đến phát triển kinh tế di sản cần phải xem xét một khái niệm vô cùng quan trọng, là yếu tố cốt lõi của kinh tế học di sản. Đó là khái niệm vốn văn hóa. Xét cho cùng, các di sản là một phần của văn hóa. Và kinh tế di sản là loại hình kinh tế phát triển bằng vốn văn hóa. Và phân tích các yếu tố của vốn văn hóa là cách thức để tiếp cận và vận dụng vào phát triển kinh tế di sản một cách có giá trị nhất.

Vốn văn hóa và kinh tế di sản

Khái niệm “Vốn văn hóa” bắt nguồn từ học giả người Pháp - Pierre Bourdieu với ý nghĩa là hệ thống các thành tố văn hóa có thể luân chuyển và tạo ra những giá trị trao đổi trong quá trình phát triển, là một hình thức “tư bản văn hóa”. Theo đó, vốn văn hóa tồn tại dưới ba trạng thái chủ yếu: i - Trạng thái thể hiện (Embodied state), là các yếu tố văn hóa được thể hiện qua chủ thể của nó, tức là con người, là những yếu tố tồn tại hiện hữu và lâu dài trong tâm trí và cơ thể của con người chủ thể văn hóa. Nói cách khác thì vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện chính là tiềm lực văn hóa của con người và năng lực vận dụng các yếu tố văn hóa để tạo ra giá trị trong quá trình phát triển. Vốn văn hóa ở trạng thái biểu hiện là hệ thống yếu tố văn hóa biểu hiện qua yếu tố con người; ii - Trạng thái khách quan (Objectified state), là hệ thống các yếu tố văn hóa ở dạng tồn tại hiện hữu khách quan ngoài con người, là những hình thức vật chất của vốn văn hóa như sách vở, công cụ, nhà cửa, trang thiết bị, máy móc... hay cả những sản phẩm trí tuệ, tinh thần như các dấu tích (trace), việc thực hành các lý thuyết (realization of theories) hay phê bình các lý thuyết (critiques of theories)... cũng là vốn văn hóa ở trạng thái khách quan. Vốn văn hóa ở trạng thái khách quan có thể là sản phẩm của cá nhân hay cộng đồng được hiện hữu và có thể sử dụng để trao đổi, luân chuyển nhằm tạo ra giá trị; iii - Trạng thái thể chế (Institutionalized state), là những yếu tố văn hóa tổ chức thành các khuôn mẫu, định hình cho sự tồn tại và hoạt động của các yếu tố văn hóa dựa trên những khuôn mẫu đó (Bourdieu, 1986). Trong ba trạng thái này, Bourdieu nhấn mạnh vai trò của vốn văn hóa ở trạng thái thể hiện, tuy nhiên, ông cũng xác định rõ: “hầu hết các thuộc tính của vốn

văn hóa có thể được rút ra từ thực tế, ở trạng thái cơ bản của nó, nó được liên kết với chủ thể văn hóa và phỏng đoán hiện thân” (Bourdieu 1986: 244).

Khái niệm vốn văn hóa này về sau được nhiều nhà kinh tế học phát triển tiếp với nghĩa rộng hơn bao gồm những tài sản vật thể và phi vật thể tham gia vào quá trình sản xuất để tạo ra của cải vật chất phục vụ xã hội. Trong bối cảnh Việt Nam vẫn luôn coi trọng đến việc phát huy các nguồn lực văn hóa vào phát triển kinh tế xã hội thì việc nghiên cứu, tiếp cận khái niệm và khung phân tích vốn văn hóa có nhiều giá trị cả về lý luận lẫn thực tiễn. Theo đó, khái niệm vốn văn hóa cần được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả các loại vốn từ, vốn kinh tế, vốn xã hội vốn con người và vốn biểu tượng... Điều này cũng dễ hiểu khi mà văn hóa là khái niệm rộng lớn bao hàm cả kinh tế, xã hội, thể chế, biểu tượng và con người... Theo đó, vốn văn hóa được hiểu là các nguồn lực vật thể và phi vật thể, biểu hiện cá nhân hoặc cộng đồng, có thể luân chuyển và tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các quá trình kinh tế để tạo ra lợi ích cho con người. Phân tích vốn văn hóa trong phát triển kinh tế di sản cần tập trung vào vai trò của các yếu tố vốn văn hóa cộng đồng, vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội, cũng như các mối quan hệ giữa các nhân tố này. Đây là khung phân tích có thể vận dụng vào việc khám phá quá trình vận dụng các yếu tố vốn văn hóa vào phát triển kinh tế di sản.

Theo khung phân tích vốn văn hóa thì kinh tế di sản phát triển dựa trên các yếu tố là vốn văn hóa cộng đồng, vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội. Các di sản văn hóa mà lâu nay chúng ta vẫn nói đến mới chỉ là trạng thái vốn văn hóa cộng đồng, từ các di tích lịch sử, sinh hoạt văn hóa, lễ hội, dân ca, dân

vũ, phong tục tập quán, cảnh quan môi trường... Nó là yếu tố quan trọng nhưng để phát triển kinh tế di sản cần phải gắn với các yếu tố khác là vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội. Vốn văn hóa cá nhân được hiểu là những nguồn lực, năng lực mà một người cụ thể có thể có nó qua những hoạt động khác nhau và vận dụng nó vào quá trình phát triển kinh tế để tạo ra những giá trị lợi ích cho bản thân và gia đình họ. Trình độ chuyên môn, năng lực cá nhân, quan hệ xã hội, bằng cấp, danh hiệu được thừa nhận, tri thức, nhận thức, các sản phẩm sáng tạo cá nhân... và cả thói quen của một người cụ thể. Vốn thể chế cũng là những nguyên tắc, quy định liên quan đến quá trình phát triển và được những người tham gia thừa nhận. Nó cũng bao hàm cả các chính sách phát triển của nhà nước cũng như các nguyên tắc, quy định của các nhóm, các tổ chức được các thành viên lập ra và thực hiện. Mạng lưới xã hội được hiểu là tổng hợp các mối quan hệ, các nhân tố kết nối và thể chế gắn kết của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức, cộng đồng được hình thành nhằm chia sẻ những lợi ích cũng như trách nhiệm với nhau trong việc khai thác các nguồn lực để phát triển kinh tế. Di sản là vốn văn hóa cộng đồng nhưng để phát triển kinh tế di sản thì cần dựa vào vốn văn hóa cá nhân, các thể chế và mạng lưới xã hội của các cá nhân, các nhóm trong cộng đồng đó. Để xây dựng chiến lược phát triển kinh tế di sản thì cần phân tích vốn văn hóa

cộng đồng là điều kiện cần, phân tích vốn văn hóa cá nhân, vốn văn hóa thể chế và mạng lưới xã hội là điều kiện đủ. Và phát triển kinh tế di sản cần phải đầu tư phát triển cả bốn yếu tố trong vốn văn hóa một cách đồng bộ.

Mục tiêu và động lực của kinh tế di sản

Kinh tế di sản luôn hướng đến mục tiêu kép là phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị di sản văn hóa. Và cả hai mục tiêu này đều quan trọng như nhau. Nếu bỏ đi một mục tiêu nào trong số hai mục tiêu này đều không ảnh hưởng tốt đến di sản cũng như ý nghĩa tồn tại của nó. Di sản văn hóa do một cộng đồng tạo nên và cũng được chính họ gìn giữ. Và mỗi di sản luôn gắn với một cộng đồng chủ thể nhất định qua các giá trị của nó. Di sản văn hóa luôn hiện hữu các giá trị về thẩm mỹ, lịch sử, cố kết cộng đồng, lợi ích... Nhưng ngày nay, di sản văn hóa không chỉ có giá trị với cộng đồng chủ thể mà còn có nhiều giá trị với các cộng đồng khác từ chiêm ngưỡng, hưởng thụ đến khai thác lợi ích. Vậy nên, càng ngày, sự tham gia và tác động của các nhân tố ngoài cộng đồng chủ thể đến di sản càng trở nên mạnh mẽ hơn.

Mục tiêu bảo tồn di sản thường được cộng đồng chủ thể coi trọng nhất bởi nó là sản phẩm của cộng đồng đó và có nhiều giá trị nhất với cộng đồng đó. Lễ hội Hang Bua gắn



Các di sản văn hóa đều gắn liền với cộng đồng
(Ảnh: Lễ hội Hang Bua gắn với cộng đồng người Thái ở Châu Tiến, Quỳnh Châu)

với cộng đồng người Thái ở Châu Tiến, Quý Châu, lễ hội ở Đền Chín Gian cũng gắn với người Thái ở Châu Kim, Quý Phong, lễ hội làng Sen thì gắn với cộng đồng người dân xã Kim Liên, đặc sản Nhút thì gắn với người dân huyện Thanh Chương, đặc sản Tương gắn với người dân huyện Nam Đàn, rồi thổ cẩm của người Thái, Mông hay đồ đan lát của người Khơ Mú... Nhìn chung, các di sản văn hóa, dù là vật thể hay phi vật thể đều gắn với một cộng đồng. Và lẽ thường, các cộng đồng chủ thể luôn coi trọng mục tiêu bảo tồn các di sản văn hóa của họ. Và thực tế, trong chiều dài lịch sử của di sản luôn gắn với sự gìn giữ, bảo vệ và tôn tạo của cộng đồng. Ngày nay, nhiều di sản được nhà nước quản lý và cung cấp kinh phí để tôn tạo và bảo vệ. Nó giúp việc quản lý di sản được thực hiện chặt chẽ hơn, bài bản hơn và đầy đủ nguồn kinh phí hơn. Nhưng điều vô hình trung đã làm cho các di sản dần xa rời cộng đồng chủ thể. Và tác hại của nó là hoạt động liên quan đến di sản không còn gắn kết chặt chẽ với cộng đồng chủ thể. Sự sở hữu cũng thay đổi từ sở hữu cộng đồng sang sở hữu nhà nước.

Nhưng trong quá trình phát triển hiện nay, mục tiêu bảo tồn không tách rời mà thậm chí còn gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát huy, mà ở đây nhấn mạnh đến phát huy các giá trị kinh tế của di sản, cũng là mục tiêu chính trong phát triển kinh tế di sản. Di sản có nhiều giá trị và các giá trị đó phần lớn đều có thể được tích hợp để tạo ra giá trị kinh tế. Vậy nên phát huy giá trị kinh tế của di sản cũng được nhiều người quan tâm, không chỉ là trong cộng đồng chủ thể mà cả ngoài cộng đồng chủ thể. Đó cũng là con đường lan tỏa, quảng bá giá trị của các di sản và đưa nó vào cuộc sống của người dân. Phát triển kinh tế di sản hợp lý không làm cho di sản mất đi giá trị mà ngược lại còn làm lan tỏa giá trị di sản và

làm cho người dân quý trọng di sản hơn. Nhưng phát triển kinh tế di sản chưa bao giờ là vấn đề đơn giản cả.

Động lực của kinh tế di sản, xét cho cùng là con người. Kinh tế di sản theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế và bảo tồn văn hóa. Mà kinh tế hay văn hóa, nói chung là phát triển đều hướng đến động lực và cũng là mục tiêu cuối cùng: con người. Con người ở đây được hiểu là con người cụ thể, là chủ thể của các di tích văn hóa và những bên liên quan. Vì thế, phát triển kinh tế di sản cần đặt con người ở vị trí trung tâm, đặc biệt là những người chủ thể của di sản. Bởi chỉ có như vậy mới đảm bảo được sự hài hòa về lợi ích trong quá trình phát triển, và đạt được mục tiêu kép về phát triển kinh tế và bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa.

Hài hòa lợi ích trong phát triển kinh tế di sản

Việc đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan trong phát triển kinh tế di sản là vấn đề quan trọng nhưng cũng vô cùng phức tạp. Kinh tế di sản càng phát triển thì lợi ích kinh tế càng tăng lên và theo đó là xung đột lợi ích càng căng thẳng hơn. Di sản văn hóa thuộc về cộng đồng, họ là chủ sở hữu các di sản đó. Nhưng kinh tế phát triển thì các giá trị di sản văn hóa được tích lũy vào nhiều sản phẩm hàng hóa khác nhau để đi ra thị trường nên sự sở hữu lúc đó không còn là của cộng đồng nữa. Và nếu không có sự đảm bảo thì chính người trong cộng đồng chủ thể bị loại ra khỏi cuộc chơi kinh tế di sản. Đặc biệt trong bối cảnh nhà nước đang mở rộng việc thực hiện luật sở hữu trí tuệ và bản quyền thương mại các sản phẩm hàng hóa thì sự xung đột lợi ích giữa cộng đồng và các đối tượng khác sẽ càng căng thẳng thêm.

Để hiểu thêm vấn đề này thì chúng ta đặt ra một số giả thuyết liên quan. Ví dụ một khu di tích của một cộng đồng đã được xây dựng lâu năm nay đến dịp lễ tết thì có nhiều du khách đến tham quan. Đây là cơ hội lớn đối với nhiều người để tìm kiếm lợi ích. Ban đầu người dân tham gia vào việc bán một số sản phẩm ở các khu vực trước khu di tích. Nhưng khi lợi ích ngày càng lớn hơn, ban quản lý di tích cấp quyền buôn bán ở các ô trên toàn bộ khu vực trước di tích cho một hay vài doanh nghiệp kinh doanh trong những ngày lễ và đây những người dân địa phương ra xa hơn. Điều gì sẽ xảy ra? Hay như một ngày nào đó, người dân Nam Đàn bị cấm sản xuất tương để bán

ra thị trường vì đã có một doanh nghiệp nào đó đã đăng ký bản quyền thương mại Tương Nam Đàn, thì người dân sẽ phản ứng thế nào? Hoặc một doanh nghiệp đứng tên đăng ký bản quyền Nhút Thanh Chương để kinh doanh thì người dân làm nhút ở vùng này liệu có vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ khi vẫn tiếp tục sản xuất nhút theo cách truyền thống của mình để đem bán không? Chúng ta đều biết, các di tích văn hóa, các tri thức dân gian về đặc sản hay tri thức dân gian về y dược học và các di sản văn hóa khác là tài sản thuộc sở hữu của cộng đồng. Trong quá trình phát triển kinh tế di sản, xuất hiện nhiều nhóm khác ngoài cộng đồng chủ thể cùng tham gia vào việc phát triển và đương nhiên cũng tham gia vào quá trình chia sẻ lợi ích. Nhưng lợi ích không khi nào được chia đều cho nhau mà luôn có sự hơn kém. Vậy nên xung đột lợi ích là điều khó tránh khỏi.

Vấn đề quan trọng trong việc đảm bảo hài hòa lợi ích là sự phức tạp trong việc tính toán chi phí và lợi ích trong kinh tế di sản. Về quan điểm, người ta vẫn đề cao lợi ích của cộng đồng chủ thể, nhất là trên các diễn ngôn. Nhưng không thể ban hành các luật định rõ ràng về việc đảm bảo lợi ích cộng đồng vì cộng đồng không phải là một đơn vị tổ chức cơ tự cách pháp nhân mà là một đơn vị văn hóa. Và cũng khó để dựa vào cơ cấu chi phí đầu tư để phân chia lợi ích. Bởi chi phí đầu tư cho quản lý của Chính phủ hay chi phí đầu tư vào cơ sở hạ tầng của doanh nghiệp thì dễ tính nhưng chi phí tích lũy về văn hóa qua các thế hệ của cộng đồng chủ thể thì không tính được. Vậy nên, để đảm bảo sự hài hòa lợi ích trong phát triển kinh tế di sản cần phải để cộng đồng chủ thể làm chủ quá trình phát triển, với sự tham gia quản lý của nhà nước và tham gia hợp tác phát triển của các doanh nghiệp và các bên liên

quan. Khi đó, cộng đồng chủ thể cần phải chủ động, nhà nước cần phải có chính sách phát triển lâu dài và bền vững, các doanh nghiệp và các bên liên quan tham gia cũng phải theo đuổi lợi ích dài hạn. Có được như vậy thì cơ hội để phát triển kinh tế di sản mới sáng sủa hơn.

Tóm lại, các di sản đều có tính kinh tế của nó, và giá trị kinh tế của di sản là thể hiện sự tích lũy của các giá trị khác của di sản vào các loại hàng hóa có thể đưa ra thị trường. Phát huy giá trị kinh tế của di sản là vấn đề quan trọng và được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, tạo nên lĩnh vực kinh tế học di sản đang ngày càng phát triển ở nhiều nước trên thế giới. Để hiểu kinh tế di sản thì cần có nhiều cách tiếp cận khác nhau, trong đó tiếp cận vốn văn hóa có vai trò quan trọng. Vốn văn hóa là cơ sở nền tảng để phát triển kinh tế di sản. Và một vấn đề quan trọng trong phát triển kinh tế di sản là phải lấy cộng đồng chủ thể làm trung tâm của sự phát triển, phải đảm bảo sự hài hòa giữa phát triển kinh tế di sản với bảo tồn giá trị di sản, hài hòa lợi ích giữa các bên liên quan.

Qua những phân tích trên cũng cho thấy, phát triển kinh tế di sản là một định hướng phù hợp với điều kiện Nghệ An, với tiềm lực về các di sản văn hóa của địa phương. Nhưng để phát triển một cách có hiệu quả thì cần phải có chiến lược rõ ràng và phù hợp. Muốn vậy thì phải tìm hiểu sâu rộng, phải xem xét và lựa chọn hướng đi hợp lý. Đây là một lĩnh vực mới mẻ nên cần có nhiều chuyên gia có trình độ chuyên môn tham gia thảo luận và thực hiện đánh giá nghiêm túc. Nếu không thì không chỉ tổn tiền với các đề tài, dự án vô bổ mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến các di sản văn hóa của quê hương./.

Tài liệu tham khảo

1. Bennett, J. (2001). *Natural Heritage Valuation Methods: Applications to Cultural Heritage* in *Heritage Economics: Challenges for Heritage Conservation and Sustainable Development in the 21st Century*, Australian Heritage Commission, Australia.
2. Bourdieu, P. (1986). *The Forms of Capital*, in J. G. Richardson (ed.) *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*. New York: Greenwood Press. Pp. 241-258.
3. Trần Hữu Dũng (2006). *Vốn xã hội và phát triển kinh tế*, Tạp chí Tia sáng, số 13, tháng 7-2006, Tr.32-33, 66.
4. David Throsby (1999). *Cultural Capital*. *Journal of Cultural Economics* 23: 3-12, 1999.
5. Theo Donovan D. Rypkema, “*Bảo tồn di sản và nền kinh tế địa phương*”, <http://kientrucvietnam.org.vn/bao-ton-di-san-va-nen-kinh-te-dia-phuong/>. Xuất bản ngày 9/7/2015. Truy cập ngày 5/7/2021.
6. Hà Hữu Nga (2017), *Khái lược về Kinh tế học Di sản*, Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, số 354 (10/12/2017), tr.32-37.